

Thứ ba, ngày 4 tháng 8 năm 2020

Vietnam Daily Review

Duy trì đà tăng, VNIndex lấp gap giảm đầu tuần trước tại 825 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 5/8/2020		•	
Tuần 3/8-7/8/2020		•	
Tháng 8/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex tiếp tục tăng mạnh từ đầu phiên sáng và chính thức lấp gap giảm từ đầu tuần trước tại xung quanh 825 điểm. Dòng tiền đầu tư duy trì trạng thái tích cực khi tất cả các nhóm ngành đều tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại đã có phiên bán ròng mạnh trở lại trên sàn HSX và bán ròng nhẹ trên sàn HNX. Thanh khoản thị trường không thay đổi nhiều so với phiên hôm trước, độ rộng thị trường ở trạng thái tích cực cho thấy tâm lý giao dịch lạc quan đang được củng cố khá tốt. Theo đánh giá của chúng tôi, việc các nhà đầu tư nước ngoài bán ròng khi chỉ số kiểm tra lại ngưỡng kháng cự 825 là một động thái cần lưu tâm và nhiều khả năng VNIndex sẽ chưa thể bứt phá cao hơn trong những phiên tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 725 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 4/8/2020, hầu hết chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_Dầu khí_3.1%**

Phân tích kỹ thuật: HVN_Xu hướng hồi phục (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+12.92 điểm**, đóng cửa **827.57**. HNX-Index **+2.07 điểm**, đóng cửa **112.5**.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+3.36)**; **VNM (+1.05)**; **BID (+0.81)**; **GAS (+0.49)**; **MSN (+0.47)**.
- Kéo chỉ số giảm: **HPX (-0.09)**; **CAV (-0.07)**; **HNG (-0.06)**; **DBC (-0.02)**; **PME (-0.02)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,484 tỷ đồng**, **-0.01%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 7.37 điểm. Thị trường có **326 mã tăng**, 48 mã tham chiếu và **68 mã giảm**.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-113.67 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm **SAB (-66.1 tỷ)**, **HDG (-34.4 tỷ)** và **VHM (-30.3 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-0.76 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX 827.57Giá trị: 3484.98 tỷ **12.92 (1.59%)**

Khối ngoại (ròng): -114.06 tỷ

HNX-INDEX 112.50Giá trị: 401.46 tỷ **2.07 (1.87%)**

Khối ngoại (ròng): -0.75883 tỷ

UPCOM-INDEX 55.89Giá trị: 269.13 tỷ **0.38 (0.68%)**

Khối ngoại (ròng): -16.93 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	40.6	-1.12%
Giá vàng	1,977	-0.02%
Tỷ giá USD/VND	23,177	0.05%
Tỷ giá EUR/VND	27,287	0.01%
Tỷ giá JPY/VND	21,873	0.04%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	21.43%
LS TPCP 5 năm	1.8%	-0.60%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
NVL	13.8	SAB	-66.1
VCB	11.0	HDG	-34.4
MSN	10.7	VHM	-30.3
PLX	8.0	HPG	-15.9
STB	7.9	VJC	-9.3

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Dầu khí_3.1%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	11/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Dầu khí	3.1%	5.3%	5.3%	-4.7%	-4.7%	-27.1%	43.9%
Chiến tranh thương mại	2.9%	4.7%	4.7%	0.7%	0.7%	-12.9%	34.3%
Corona Avengers	2.7%	5.8%	5.8%	-0.2%	-0.2%	-3.9%	41.3%
Xây dựng	2.3%	6.0%	6.0%	3.5%	3.5%	-4.3%	34.2%
Ngân Hàng	2.3%	4.8%	4.8%	1.9%	1.9%	-6.9%	37.8%
Bất động sản & Khu công nghiệp	2.1%	4.6%	4.6%	3.4%	3.4%	-8.5%	28.0%
Lãi suất giảm	2.0%	6.4%	6.4%	2.5%	2.5%	-0.7%	36.1%
Hàng tiêu dùng	1.7%	4.3%	4.3%	-0.4%	-0.4%	-8.6%	33.0%
Đầu tư công	1.7%	5.6%	5.6%	2.5%	2.5%	-3.3%	35.5%
VN FinSelect	1.7%	4.3%	4.3%	-0.4%	-0.4%	-11.2%	33.6%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	1.7%	4.4%	4.4%	-0.1%	-0.1%	-11.1%	35.6%
VN Diamond	1.6%	4.3%	4.3%	-0.5%	-0.5%	-18.1%	34.8%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	1.6%	5.0%	5.0%	0.2%	0.2%	-19.6%	36.8%
Bảo hiểm & Chứng khoán	1.6%	4.3%	4.3%	-0.8%	-0.8%	-6.8%	34.1%
Cổ phiếu hết room ngoại	1.5%	4.1%	4.1%	0.3%	0.3%	-15.2%	33.7%
MSCI frontier 100 Việt Nam	1.4%	3.4%	3.4%	1.4%	1.4%	-12.3%	28.5%
Top 10 cổ phiếu VN30	1.3%	3.8%	3.8%	2.5%	2.5%	-10.1%	32.0%
Vật liệu Xây dựng	1.2%	4.3%	4.3%	1.4%	1.4%	-0.9%	31.7%
FTSE Việt Nam	1.2%	3.0%	3.0%	1.2%	1.2%	-9.7%	28.7%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	1.2%	4.2%	4.2%	1.8%	1.8%	-9.5%	31.0%
Nước & Năng lượng	1.2%	3.6%	3.6%	4.3%	4.3%	-6.1%	29.5%
Stay-at-home	1.1%	4.0%	4.0%	-0.1%	-0.1%	4.5%	38.9%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.6%	2.9%	2.9%	-0.4%	-0.4%	1.8%	23.8%
Bất động sản Khu công nghiệp	0.5%	4.5%	4.5%	6.4%	6.4%	7.2%	36.4%
Cổ phiếu ngành Dược	0.3%	0.8%	0.8%	7.7%	7.7%	-1.3%	24.3%

Mục tiêu	5/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
M12	2.0%	4.7%	4.7%	0.1%	0.1%	-10.8%	29.1%
L11	1.9%	4.0%	4.0%	0.3%	0.3%	-11.0%	28.1%
S21	1.9%	5.2%	5.2%	1.3%	1.3%	-12.5%	31.5%
M22	1.8%	4.9%	4.9%	1.6%	1.6%	-3.7%	29.5%
L22	1.6%	4.6%	4.6%	-0.2%	-0.2%	-15.3%	31.7%
S32	1.5%	4.6%	4.6%	-1.3%	-1.3%	-20.0%	38.1%
M31	1.4%	4.2%	4.2%	0.5%	0.5%	-12.7%	34.9%
L32	1.3%	4.1%	4.1%	-0.3%	-0.3%	-19.6%	35.0%
S11	1.1%	4.0%	4.0%	2.0%	2.0%	1.3%	29.5%

Khẩu vị Rủi ro	1/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
LOW1	1.6%	4.3%	4.3%	-1.1%	-1.1%	-11.2%	29.4%
MID1	1.1%	3.9%	3.9%	2.8%	2.8%	-0.8%	29.3%
HIGH3	1.1%	3.6%	3.6%	-0.8%	-0.8%	-14.0%	32.3%

INDEX							
VNINDEX	1.6%	3.7%	3.7%	0.3%	0.3%	-13.9%	28.0%
VN30INDEX	1.4%	3.7%	3.7%	-0.3%	-0.3%	-12.6%	29.3%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	11	14	20	5	20	5
Mục tiêu	9	5	4	9	0	9	0
Rủi ro	3	1	2	2	1	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 4/8

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	40.75	-0.63%	-0.70%	0.00%	-22.43%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	43.83	-0.72%	0.50%	2.10%	-25.54%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	120.55	-0.63%	-2.40%	-2.90%	-25.24%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1976.96	0.00%	0.90%	11.30%	30.62%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	24.31	0.04%	-0.40%	34.90%	42.05%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	891.75	-0.50%	0.50%	-0.60%	-3.96%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	518.25	-0.53%	-1.00%	5.30%	-0.67%		AFX
Sữa	USD /cwt	24.53	-0.08%	0.50%	7.40%	44.81%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	158.17	0.90%	3.50%	10.00%		DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.72	0.63%	5.00%	4.50%	-5.64%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	120.50	-0.90%	6.40%	13.10%	5.01%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6490.00	1.20%	1.10%	6.90%	14.16%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	549.61	0.68%	2.90%	7.80%		HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1752.00	2.25%	2.60%	8.10%	-0.62%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	127.05	2.95%	8.10%	20.70%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	61.40	-0.81%	-0.20%	-1.00%	-21.48%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu Brent tăng 63 US cent (1.5%) lên 44.15 USD/thùng, trong khi dầu Tây Texas Mỹ (WTI) tăng 74 US cent (1.8%) lên 41.01 USD/thùng.
- Tháng 7/2020, hoạt động sản xuất của Mỹ tăng mạnh nhất trong vòng gần 1.5 năm khi số đơn đặt hàng tăng mặc dù số ca mới nhiễm Covid-19 vẫn tiếp tục tăng; sản xuất ở Khu vực đồng euro cũng tăng tháng đầu tiên kể từ đầu năm 2019 (theo kết quả khảo sát), trong khi sản xuất ở Châu Á cũng tăng trưởng tích cực. Sản xuất tăng sẽ kéo nhu cầu dầu tăng theo

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 0.1% xuống 1,927.52 USD/ounce, trong phiên có thời điểm đạt mức cao kỷ lục 1,984.66 USD, trong khi vàng kỳ hạn tháng 12/2020 duy trì tại 1,986.3 USD/ounce.
- Đồng USD đã tăng 0.3% trong phiên vừa qua so với các đồng tiền chủ chốt khác, khiến cho giá vàng trở nên đắt đỏ hơn đối với những nhà đầu tư mua bằng các loại tiền tệ khác.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9 trên sàn Đại Liên tăng 4.2% lên 873 CNY (125.11 USD)/tấn. Trên sàn Singapore, quặng sắt giao cùng kỳ hạn cũng tăng 3.4% lên 109.57 USD/tấn.
- Mặc dù chi phí nguyên liệu cao, các nhà máy thép Trung Quốc tiếp tục duy trì tỷ lệ sử dụng công suất sản xuất ở các lò cao ở mức cao, kéo theo nhu cầu than và quặng sắt tăng. Theo công ty Sinosteel Futures Co Ltd ở Bắc Kinh, sản lượng sắt nóng chảy trung bình hàng ngày của các nhà máy thép đã lập kỷ lục cao mới, là 2.5 triệu tấn, chủ yếu do các lò cao hoạt động gần hết công suất.

Giá cao su

- Hợp đồng cao su trên sàn giao dịch Osaka (OSE) đóng cửa tăng 3.4 JPY (2.1%) lên 167 JPY (1.58 USD)/kg. Trên sàn Thượng Hải, cao su kỳ hạn tháng 9 tăng 35 CNY lên 10,860 CNY/tấn.
- Giá cao su trên sàn Nhật Bản tăng lên mức cao nhất trong vòng gần 2 tháng do những dữ liệu về mới công bố cho thấy hoạt động sản xuất hồi phục ở khắp Châu Á.

Giá nông sản

- Đường thô kỳ hạn tháng 10 tăng 0.08 US cent (0.6%) lên 12.72 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 10 giá giảm 6.4 USD (1.7%) xuống 375.2 USD/tấn
- Xuất khẩu đường Brazil tháng 7/2020 đã tăng hơn 90% so với cùng kỳ năm ngoái do sản lượng tăng và nhu cầu từ bên ngoài mạnh.
- Thị trường gia tăng lo ngại về triển vọng sản lượng của Thái Lan, trong khi Trung Quốc mua đường nhiều hơn dự kiến, mặc dù hầu hết các dự báo cho rằng thị trường đường sẽ dư cung trong năm 2020/21. Nhu cầu đường từ Indonesia và Pakistan mạnh cũng đang hỗ trợ giá mặt hàng này

	4/8	% 4/8	3/8	% 3/8	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	827.57	1.59%	814.65	2.04%	1.75%	-2.36%
S&P 500			3,294.61	0.72%	1.70%	5.74%
S&P500 Futures	3,280.25	-0.25%	3,288.50	0.77%	2.09%	4.83%
Shang- hai	3,371.69	0.11%	3,367.97	1.75%	4.45%	6.94%
Euro Stoxx	3,250.79	0.08%	3,248.28	2.33%	-1.60%	-1.32%

Phân tích kỹ thuật

HNX_Xu hướng hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm dưới đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: HNX đang hình thành xu hướng hồi phục sau khi điều chỉnh về vùng giá 22.0 Thanh khoản cổ phiếu đã vượt ngưỡng trung bình 20 phiên đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo RSI ủng hộ xu hướng hồi phục trong khi chỉ báo MACD cho thấy dấu hiệu chuyển sang xu hướng tích cực. Đường giá cổ phiếu đang hướng về dải mây Ichimoku, cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn sắp hình thành. Như vậy, nhà đầu tư có thể mở vị thế ở mức giá 23.0 và chốt lãi quanh ngưỡng giá 27.0, cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 21.5.



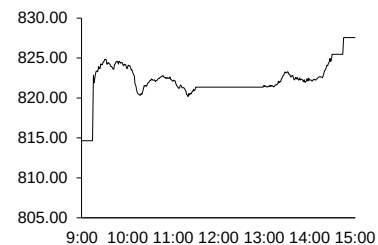
Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

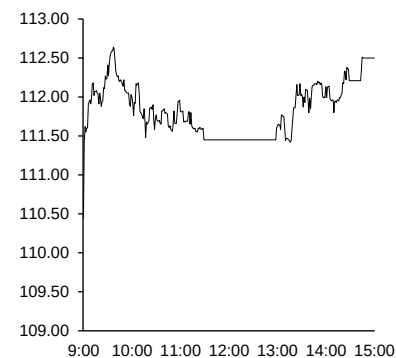
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	9.92%
Bảo hiểm	3.33%
Ngân hàng	2.42%
Du lịch và Giải trí	1.96%
Y tế	1.95%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.79%
Dịch vụ tài chính	1.63%
Thực phẩm và đồ uống	1.59%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.58%
Dầu khí	1.57%
Công nghệ Thông tin	1.56%
Xây dựng và Vật liệu	1.47%
Bán lẻ	1.35%
Truyền thông	1.22%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.12%
Hóa chất	1.00%
Bất động sản	0.85%
Ô tô và phụ tùng	0.50%
Tài nguyên Cơ bản	0.34%

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
8/3/2020	CTD	70.1	85	66	72.4	1	3.28%	Cân nhắc đóng vị thế (*)
7/31/2020	SNZ	25	27.5	22.5	26.3	4	5.20%	Có thể tiếp tục mua
7/30/2020	VSC	30.9	35	27.5	31.9	5	3.24%	Có thể tiếp tục mua
7/29/2020	NRC	11.8	15.34	10.08	13.7	6	16.10%	Có thể tiếp tục mua
7/1/2020	HAX	12.8	15	11	11.95	34	-6.64%	Cân nhắc đóng vị thế (*)
6/29/2020	PLP	11.35	13.5	9.5	12	36	5.73%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/26/2020	DGC	39.6	42	33	37.4	39	-5.56%	Cân nhắc đóng vị thế (*)
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	29.35	41	-4.37%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/18/2020	HPG	21.93	26.18	19.64	22.95	47	4.65%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	78.3	49	4.54%	Cân nhắc đóng vị thế (*)
6/5/2020	VHC	37.2	42	30.5	35.1	60	-5.65%	Cân nhắc đóng vị thế (*)
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt					(**) Tiệm cận giá mục tiêu	

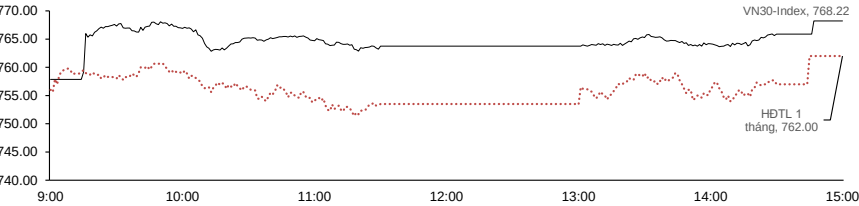
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
7/28/2020	SZC	23.1	25.5	21	TP	2	10.39%
7/27/2020	GIL	18.9	20.5	17.5	TP	4	8.47%
7/24/2020	CII	18	22	17	SL	3	-5.56%
7/23/2020	IDJ	13.3	17	12	SL	4	-9.77%
7/22/2020	HAH	10.95	13	10	SL	5	-8.68%
7/21/2020	TDT	10.2	12	9	SL	10	-11.76%
7/20/2020	HT1	14	16	13.5	SL	4	-3.57%
7/17/2020	BFC	12.5	14	11.5	SL	7	-8.00%
7/16/2020	MPC	27.8	33	26	SL	8	-6.47%
7/15/2020	FRT	25.4	29	21.5	SL	12	-15.35%
7/14/2020	DPM	14.9	16	14	SL	10	-6.04%
7/13/2020	GVR	11.9	14	11	SL	14	-7.56%
7/10/2020	KBC	14.45	17	13	SL	17	-10.03%
7/9/2020	KDC	30.5	39	29	SL	18	-4.92%
7/8/2020	GEX	17.9	22	16	TP	9	22.91%
7/7/2020	HDG	20.6	26	19	SL	17	-7.77%
7/6/2020	FPT	46.8	57.2	45	SL	21	-3.85%
7/3/2020	PLC	14.94	16.4	13.2	TP	12	9.77%
7/2/2020	DHC	37.9	40	35	TP	7	5.54%
6/30/2020	TLG	35.9	40	31.5	TP	20	11.42%
Chú thích: Thống kê 20 mã đóng vị thế gần nhất					TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất khuyến nghị lãi	Hiệu suất khuyến nghị lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	7	4	6.11%	-5.55%	1.87%	29
Cổ phiếu đã chốt	9	22	12.15%	-8.34%	-2.39%	13

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2008	762.00	2.70%	-6.22	0.1%	234,993	8/20/2020	18
VN30F2009	759.00	2.92%	-9.22	-16.3%	948	9/17/2020	46
VN30F2012	748.00	2.21%	-20.22	32.5%	151	12/17/2020	137
VN30F2103	749.00	2.46%	-19.22	106.8%	91	3/18/2021	228

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng mạnh +10.36 điểm, lên mức 768.22 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VCB, VNM, MSN, TCB, FPT tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 tăng mạnh đầu phiên sáng, sau đó giảm cơ quanh 765 điểm, trước khi tăng tích cực cuối phiên lên gần 770 điểm. Thanh khoản duy trì tại mức thấp, VN30 có thể tích lũy quanh 770 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2008 và VN30F2012 đang tăng, trong khi VN30F2009 và VN30F2103 đang giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2008, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm kéo dài. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 725 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CCTD2001	12/16/2020	134	10:1	197,140	57.52%	1,540	1,420	18.33%	733	1.94	96,288	80,888	73,500
CFPT2004	8/10/2020	6	1:1	45,630	33.63%	5,100	4,530	17.05%	34	131.69	55,100	50,000	46,550
CVPB2007	10/29/2020	86	2:1	478,190	47.09%	1,700	780	9.86%	725	1.08	25,900	22,500	21,100
CVHM2002	11/30/2020	118	1:1	91,760	38.77%	11,500	9,990	9.06%	8,071	1.24	88,500	77,000	79,000
CVNM2004	11/30/2020	118	1:1	23,700	33.83%	17,500	8,920	5.69%	5,871	1.52	133,973	116,473	111,300
CVHM2003	10/29/2020	86	10:1	187,550	38.77%	1,000	1,350	3.85%	1,121	1.20	80,000	70,000	79,000
CHPG2008	11/30/2020	118	1:1	236,820	38.33%	4,100	3,060	3.73%	609	5.02	32,100	28,000	23,000
CDPM2002	12/16/2020	134	1:1	152,270	42.11%	1,700	1,850	2.78%	1,097	1.69	16,952	15,252	14,300
CVNM2003	9/4/2020	31	10:1	268,970	33.83%	1,450	1,920	2.67%	1,650	1.16	107,280	92,780	111,300
CSTB2004	11/30/2020	118	1:1	416,570	43.29%	1,400	920	2.22%	838	1.10	12,400	11,000	10,500
CHPG2009	10/29/2020	86	2:1	117,240	38.33%	1,600	3,230	2.22%	1,024	3.15	25,700	22,500	23,000
CSTB2002	12/16/2020	134	1:1	451,760	43.29%	1,700	980	2.08%	621	1.58	13,588	11,888	10,500
CHPG2011	10/20/2020	77	2:1	357,300	38.33%	2,350	2,270	1.79%	433	5.25	29,900	25,200	23,000
CHPG2002	12/16/2020	134	2:1	169,270	38.33%	1,700	1,580	1.28%	215	7.34	33,399	29,999	23,000
CHPG2005	10/1/2020	58	1:1	37,140	38.33%	2,100	9,150	1.22%	4,242	2.16	21,100	19,000	23,000
CHPG2010	4/5/2021	244	4:1	257,560	38.33%	1,800	1,150	0.88%	154	7.45	40,300	33,100	23,000
CREE2004	10/23/2020	80	3:1	173,190	28.95%	1,570	1,890	0.00%	1,622	1.17	34,210	29,500	33,700
CNVL2001	12/16/2020	134	4:1	202,040	17.85%	2,300	2,080	-1.89%	679	3.06	75,088	65,888	64,700
CHPG2013	12/1/2020	119	1:1	59,270	38.33%	6,900	5,890	-12.47%	1,707	3.45	30,900	24,000	23,000
CHPG2014	4/19/2021	258	1:1	33,140	38.33%	7,200	6,100	-13.48%	1,950	3.13	33,700	26,500	23,000
Tổng				3,923,370	38.28%**								

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 4/8/2020, hầu hết chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng.
- Về giá, CCTD2001 và CFPT2004 tăng mạnh lần lượt là 18.33% và 17.05%. Trái lại, CHPG2015 và CHPG2012 giảm mạnh lần lượt là -15.85% và -14.41%. Giá trị giao dịch tăng 6.42%. CVHM2002 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.11% thị trường.
- CVPB2005, CVPB2006, CTCB2004, CVRE2005, và CVPB2007 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2005, CHPG2006, và CHPG2009 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CHPG2005, CVNM2003, và CREE2004 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	77.0	1.3%	1.2	1,516	2.8	8,348	9.2	2.4	49.0%	30.3%
PNJ	Bán lẻ	53.5	1.3%	1.3	524	0.9	4,629	11.6	2.6	49.0%	23.6%
BVH	Bảo hiểm	45.3	4.9%	1.3	1,462	1.5	1,640	27.6	1.7	28.2%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	30.8	0.0%	0.4	299	0.0	2,654	11.6	1.0	54.4%	8.8%
VIC	Bất động sản	88.0	0.5%	0.8	12,941	0.9	2,255	39.0	3.7	13.9%	9.3%
VRE	Bất động sản	26.3	2.5%	1.1	2,598	1.8	1,057	24.9	2.2	30.9%	8.9%
VHM	Bất động sản	79.0	0.6%	1.3	11,299	4.7	6,784	11.6	3.8	20.2%	37.0%
DXG	Bất động sản	9.6	6.0%	1.3	217	1.5	1,672	5.7	0.7	38.3%	11.3%
SSI	Chứng khoán	14.4	1.8%	1.3	375	2.9	1,718	8.4	0.9	49.0%	10.7%
VCI	Chứng khoán	21.4	2.1%	1.0	153	0.3	4,110	5.2	0.9	29.1%	18.0%
HCM	Chứng khoán	17.3	0.6%	1.7	229	1.9	1,608	10.7	1.2	51.6%	11.5%
FPT	Công nghệ	46.6	1.4%	0.8	1,587	2.1	4,280	10.9	2.4	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	47.4	2.6%	0.4	513	0.0	4,812	9.9	2.5	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	68.1	1.3%	1.4	5,667	1.1	5,138	13.3	2.5	3.2%	20.4%
PLX	Dầu khí	44.5	1.7%	1.5	2,333	0.7	441	100.9	2.8	14.6%	3.2%
PVS	Dầu khí	11.4	0.9%	1.5	237	1.2	1,301	8.8	0.4	11.4%	5.0%
BSR	Dầu khí	6.2	1.6%	0.8	836	0.7	898	6.9	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	97.0	5.8%	0.5	551	0.1	5,044	19.2	4.0	54.6%	21.2%
DPM	Hóa chất	14.3	1.1%	0.5	243	1.9	1,586	9.0	0.7	10.7%	8.9%
DCM	Hóa chất	8.2	0.5%	0.5	188	0.4	709	11.5	0.7	1.8%	5.8%
VCB	Ngân hàng	81.9	3.9%	1.1	13,207	2.1	4,915	16.7	3.4	23.8%	22.0%
BID	Ngân hàng	37.9	1.9%	1.4	6,628	0.8	2,153	17.6	2.0	17.7%	12.5%
CTG	Ngân hàng	22.1	1.4%	1.2	3,570	3.0	2,995	7.4	1.0	30.0%	14.6%
VPB	Ngân hàng	21.1	0.7%	1.2	2,236	3.2	4,126	5.1	1.1	23.4%	23.5%
MBB	Ngân hàng	16.4	1.2%	1.0	1,719	1.8	3,497	4.7	0.9	23.0%	20.7%
ACB	Ngân hàng	23.7	2.2%	1.0	1,713	3.0	3,750	6.3	1.3	30.0%	22.6%
BMP	Nhựa	50.5	1.0%	0.9	180	0.2	5,760	8.8	1.6	81.9%	18.9%
NTP	Nhựa	28.7	0.7%	0.4	147	0.0	3,348	8.6	1.3	18.8%	16.0%
MSR	Tài nguyên	15.1	0.7%	0.4	649	0.0	356	42.4	1.2	1.9%	2.9%
HPG	Thép	23.0	0.4%	1.1	3,313	11.1	3,158	7.3	1.2	35.8%	18.1%
HSG	Thép	10.4	2.0%	1.5	200	4.3	1,767	5.9	0.7	10.6%	13.6%
VNM	Tiêu dùng	111.3	1.9%	0.8	8,427	3.7	5,538	20.1	6.4	58.7%	33.0%
SAB	Tiêu dùng	171.2	1.3%	0.8	4,773	1.8	6,328	27.1	6.0	63.3%	23.7%
MSN	Tiêu dùng	54.0	2.7%	1.0	2,744	3.9	3,255	16.6	2.7	38.7%	13.9%
SBT	Tiêu dùng	14.0	0.0%	0.8	357	2.0	561	24.9	1.1	5.6%	5.1%
ACV	Vận tải	53.1	1.5%	0.8	5,026	0.4	3,450	15.4	3.1	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	97.0	1.0%	1.1	2,209	1.4	7,110	13.6	3.4	18.0%	26.3%
HVN	Vận tải	23.1	3.4%	1.7	1,421	0.8	1,654	13.9	1.8	9.2%	12.9%
GMD	Vận tải	19.2	3.2%	0.8	247	0.3	1,377	13.9	0.9	49.0%	6.7%
PVT	Vận tải	9.9	3.1%	1.1	121	0.5	2,007	4.9	0.6	22.6%	13.8%
VCS	Vật liệu xây dựng	58.3	1.7%	1.0	393	0.3	8,219	7.1	2.7	2.9%	40.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	20.1	1.5%	0.7	392	0.2	1,362	14.8	1.4	9.9%	9.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	12.9	1.2%	1.0	214	0.2	1,937	6.7	0.9	6.4%	13.5%
CTD	Xây dựng	73.5	4.9%	1.0	244	2.9	8,467	8.7	0.7	46.0%	7.9%
CII	Xây dựng	17.7	1.1%	0.3	184	0.5	1,615	11.0	0.8	36.4%	8.0%
REE	Điện	33.7	0.0%	-1.4	454	0.5	4,780	7.1	1.0	49.0%	14.8%
PC1	Điện	17.8	1.7%	-0.4	123	0.2	2,178	8.2	0.8	16.6%	9.9%
POW	Điện	9.3	1.0%	0.6	951	0.8	1,028	9.1	0.8	11.5%	9.4%
NT2	Điện	21.0	2.2%	0.6	263	0.3	2,685	7.8	1.3	18.3%	18.0%
KBC	Khu công nghiệp	13.1	1.2%	0.8	267	0.8	1,242	10.5	0.6	20.9%	6.2%
BCM	Khu công nghiệp	29.0	10.3%	0.9	1,305	0.1	2,332	12.4	2.1	2.1%	17.7%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	81.90	3.93	3.28	616840.00
VNM	111.30	1.92	1.04	765170.00
BID	37.90	1.88	0.80	494030.00
GAS	68.10	1.34	0.49	387300.00
VHM	79.00	0.64	0.48	1.38MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	gày 04/07/20	Index pt	KLGD
HPX	-0.01	-0.09	457280.00	1.11MLN
CAV	-0.01	-0.07	50.00	607060.00
HNG	0.00	-0.06	945220.00	373600.00
PGD	-0.01	-0.05	3460.00	192700.00
DBC	0.00	-0.02	2.37MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MHC	6.74	6.98	0.01	1.79MLN
VRC	5.67	6.98	0.01	106990.00
TNI	3.22	6.98	0.00	2.58MLN
PDN	72.10	6.97	0.03	13460.00
TCM	21.50	6.97	0.02	3.04MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DAH	5.07	-6.97	0.00	4.73MLN
ABT	32.10	-6.96	-0.01	540.00
VSI	20.85	-6.92	-0.01	6590.00
LM8	10.15	-6.88	0.00	5410.00
PGD	27.90	-6.69	-0.05	3460.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.70	2.16	0.81	2.91MLN
SHB	12.60	4.13	0.72	4.08MLN
S99	18.40	9.52	0.07	851600.00
OCH	8.40	9.09	0.07	200.00
SHS	10.40	2.97	0.06	2.25MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIF	16.00	-6.43	-0.04	6400.00
DHT	55.40	-4.48	-0.04	116100.00
PMC	59.50	-8.18	-0.03	500.00
DNM	65.80	-9.99	-0.02	229000.00
PGS	12.80	-3.03	-0.01	29600.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

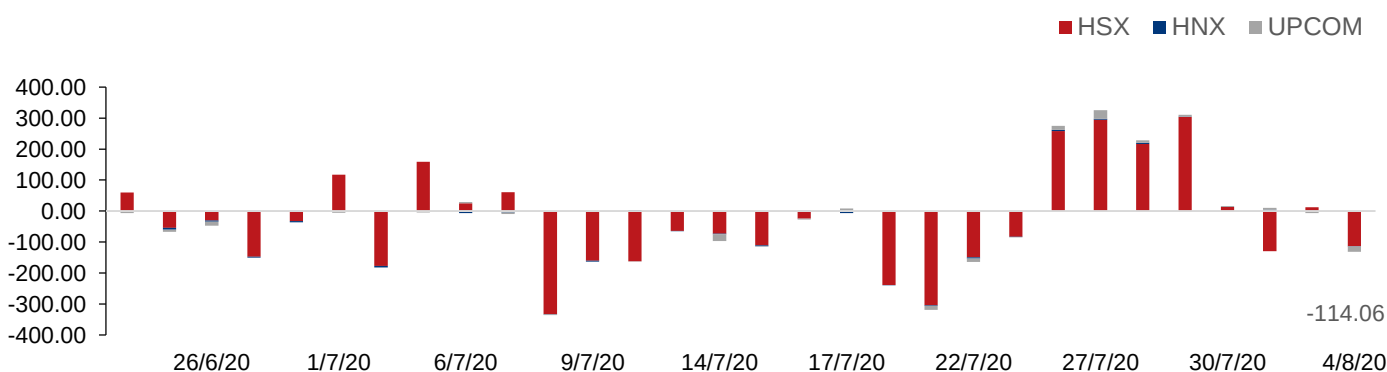
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.60	20.0	0.00	1.14MLN
VIG	0.80	14.3	0.00	297900.00
SPI	1.00	11.1	0.00	173100.00
DZM	3.30	10.0	0.00	39000.00
PIA	26.60	9.9	0.00	200.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PTS	5.30	-13.11	0.00	15000.00
BSC	11.70	-10.00	0.00	100.00
FID	0.90	-10.00	0.00	5400.00
DNM	65.80	-9.99	-0.02	229000.00
NST	11.00	-9.84	0.00	100.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	NLG	Bất động sản	Mua	24/6/2020	25.0	34.6	25.3	3,321	7.6	1.2	Click
2	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/2020	22.5	29.0	21.1	4,126	5.1	1.1	Click
3	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/2020	54.0	71.3	47.1	9,642	4.9	1.3	Click
4	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/2020	63.9	70.8	54.0	3,255	16.6	2.7	Click
5	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/2020	38.9	43.2	37.5	5,365	7.0	1.3	Click
6	HSG	VLXD	Mua	2/6/2020	10.1	12.4	10.4	1,767	5.9	0.7	Click
7	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/05/202	40.0	44.2	43.4	5,479	7.9	2.2	Click
8	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	25.6	1,902	13.4	2.1	Click
9	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	23.0	3,158	7.3	1.2	Click
10	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	18.9	3,103	6.1	1.0	Click
11	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	53.5	4,629	11.6	2.6	Click
12	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	128.0	5,718	22.4	7.9	Click
13	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	9.6	1,672	5.7	0.7	Click
14	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	15.7	1,721	9.1	0.9	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	20.0	7,132	2.8	1.1	Click
16	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	20.7	5,227	4.0	1.0	Click
17	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	41.0	4,761	8.6	1.7	Click
18	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	81.9	4,915	16.7	3.4	Click
19	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	23.7	3,750	6.3	1.3	Click
20	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	35.6	5,465	6.5	1.2	Click
21	PHR	Cao su	Mua	20/4/2020	43.7	51.8	51.8	5,877	8.8	2.4	Click
22	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/2020	46.4	60.7	46.6	4,280	10.9	2.4	Click
23	GMD	Vận tải	Mua	17/3/2020	16.4	27.2	19.2	1,377	13.9	0.9	Click
24	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	13.1	1,242	10.5	0.6	Click
25	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	171.2	6,328	27.1	6.0	Click
26	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/2020	23.0	28.9	24.4	2,041	11.9	1.7	Click
27	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	111.3	5,538	20.1	6.4	Click
28	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	11.4	1,407	8.1	0.6	Click
29	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	77.0	8,348	9.2	2.4	Click
30	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	15.8	2,048	7.7	1.2	Click
31	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/2020	93.0	89.5	97.0	5,044	19.2	4.0	Click
32	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	9.9	2,007	4.9	0.6	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	53.5	4,629	11.6	2.6	Click
34	QNS	Thực phẩm	Mua	02/01/20202	28.7	35.0	31.4	4,313	7.3	1.5	Click
35	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/2019	170.0	N/a	204.5	14,782	13.8	5.6	Click
36	PVD	Dầu khí	Theo dõi	13/12/2019	14.7	18.9	9.5	0	17.1	0.3	Click
37	TDT	Dệt may	Theo dõi	9/12/2019	11.4	N/a	9.0	1,671	5.4	0.8	Click
38	PC1	Điện	Mua mạnh	2/10/2019	20.0	29.1	17.8	2,178	8.2	0.8	Click
39	VGI	Viễn thông	Theo dõi	12/11/2019	31.4	N/a	26.1	-218	#N/A	2.7	Click
40	TRC	Cao su	Theo dõi	26/9/2019	37.0	N/a	29.5	2,986	9.9	0.6	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
3	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
5	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
6	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
7	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
8	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
9	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
10	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	x		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
13	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
14	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
15	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
17	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
19	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	x		Click
20	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
21	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research_18092019		x	Click
22	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 08.2019_Trước tâm bão chiến tranh thương	x		Click
23	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
24	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều dư địa tăng	x		Click
25	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động theo KQKD quý II và	x		Click
26	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_BSC Research_27062019		x	Click
27	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi phục từ đáy ngắn	x		Click
28	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC Research_03062019		x	Click
29	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 04.2019_Hồi phục từ vùng tích lũy_20190503	x		Click
30	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
31	Vĩ Mô & Thị Trường Quý I.2019_Nhiều thông tin trọng yếu, diễn biến khó	x		Click
32	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click
33	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 02.2019_Biến động giằng co chờ thông tin hỗ	x		Click
34	Vĩ Mô&Thị Trường 2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp và KQKD cải	x		Click
35	BSC_Vietnam Sector Outlook_2019_VN		x	Click
36	20190110_BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN		x	Click
37	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	x		Click
38	Vĩ mô 2018M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019_20181203	x		Click
39	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi_20181102	x		Click
40	15102018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018		x	Click

TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER
Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

[Video hướng dẫn sử dụng](#)

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express CTD 2020Q3	7/1/2020	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 100835; Giá tại Publish 74400 Dự báo KQKD: BSC dự báo KQKD CTD 2020 với DT và LNST ước đạt lần lượt là 16,846 tỷ đồng (-29% YoY) và 611 tỷ đồng (-14% YoY), tương đương EPS fw là 7,432 đ/cp - PE fw = 10x; BVPS fw=118,629 đ/cp – PB fw= 0.63x.
Express C4G 2020Q2	6/29/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 7200 Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: Kế hoạch DT và LNST lần lượt 3,050 tỷ (+30% YoY) và 200 tỷ (+116% YoY), tổng sản lượng là 3,000 tỷ đồng. C4G chia cổ tức năm 2020 là 15%. Cập nhật KQKD: Lũy kế tới tháng 6, tổng dự án đang có của C4G đạt 5,200 tỷ đồng bao gồm cả ký mới trong 2020, trong đó một số dự án trọng điểm triển khai trong năm nay bao gồm: Đường Vành đai phía Tây 2 TP Đà Nẵng – Gói thầu 06OFID.EX, Cao tốc Bắc nam đoạn Cam Lộ - La Sơn – Gói thầu số 9, Hàm chui Nguyễn Bân Linh – Gói thầu số 1 và Cải tạo nút giao thông phía tây cầu Trần Thị Lý.
Express KBC 2020Q2	6/29/2020	Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2020, KBC đặt ra 2 kịch bản (1) Phương án khả quan: tổng doanh thu 3,200 tỷ đồng (tương đương 2019), lợi nhuận sau thuế 816 tỷ đồng (-21% yoy) (2) Phương án tích cực: doanh thu dự kiến 3,600 tỷ đồng (+12% yoy), lợi nhuận sau thuế 1,000 tỷ đồng (-4% yoy). Nguồn vốn: tập đoàn dự kiến vay tín dụng hoặc phát hành trái phiếu khoảng 1,500 – 2,000 tỷ đồng để đầu tư các dự án cũ, mới và bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
Express SJS 2020Q2	6/12/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 22000 Catalyst: Tổng Công ty Sông Đà có kế hoạch thoái toàn bộ vốn tại SJS. Công ty cho biết hiện đang triển khai rất tích cực, tuy nhiên tại ĐHCĐ không chia sẻ thêm thông tin chi tiết. Theo như chia sẻ trong lần gặp trước đây thì thời điểm dự kiến hoàn tất thoái vốn là Q2/2020.
Express HT1 2020Q2	6/12/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 13450; Giá tại Publish 13700 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu thuần năm 2020 của HT1 đạt 8,387 tỷ đồng (-5.1% yoy) với giả định sản lượng xi măng tiêu thụ đạt 7 triệu tấn (-3% yoy), giá bán bình quân giảm 2% yoy. Giả định giá than giảm 7% yoy, điện (-1% yoy do chính sách hỗ trợ giá điện từ Chính phủ trong Q2/2020), giá các nguyên vật liệu khác giữ nguyên, biên LNG được dự báo giảm từ 17.7% về 16.9%. LNST đạt 692 tỷ (-6.5% yoy), tương đương với EPS = 1,632 đồng/CP (giả định trích quỹ KTPL 10%).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công
Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Khách hàng tổ chức

Vũ Thanh Phong

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân

Bùi Huy Hiệp

Chức vụ

Phụ trách Trung tâm tư vấn i-Center

Địa chỉ email

hiepbh@bsc.com.vn